

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
ĐẾN 09 -04- 2012
SỐ CV ĐẾN: 08509

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2011

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2011	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2011	13 - 35

\*\*\*\*\*



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001715 ngày 28 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Hợp tác Kinh tế (*)	11.400.000.000	40%
Các cổ đông khác	17.100.000.000	60%
<b>Cộng</b>	<b>28.500.000.000</b>	<b>100%</b>

(\*) nay là Công ty TNHH một thành viên - Tổng Công ty Hợp tác kinh tế

**Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An  
Điện thoại : 0383.791777  
Fax : 0383.791555  
Mã số thuế : 2 9 0 0 8 5 9 5 9 9

**Ngành nghề kinh doanh:**

- Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản (đá, cát, sỏi, quặng kim loại);
- Sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá trắng siêu mịn.

**Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 35).

**Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Đình Danh	Chủ tịch	14 tháng 5 năm 2011	
Ông Trương Đắc Châu	Chủ tịch	26 tháng 9 năm 2009	14 tháng 5 năm 2011
Ông Hoàng Trọng Diên	Ủy viên	18 tháng 12 năm 2007	
Ông Nguyễn Văn Lịch	Ủy viên	18 tháng 12 năm 2007	
Ông Nguyễn Trung Thành	Ủy viên	18 tháng 12 năm 2007	
Ông Lê Mạnh Hùng	Ủy viên	18 tháng 12 năm 2007	

20  
CHI  
CỔ  
PH  
TOA  
H  
Đ

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## ***Ban Kiểm soát***

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Văn Hùng	Trưởng ban	14 tháng 5 năm 2011	
Ông Lê Đình Danh	Trưởng ban	18 tháng 12 năm 2007	14 tháng 5 năm 2011
Bà Trần Thị Hồng Thái	Thành viên	18 tháng 12 năm 2007	
Ông Nguyễn Thanh Hưng	Thành viên	18 tháng 12 năm 2007	

## ***Ban điều hành, quản lý***

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Hoàng Trọng Diên	Giám đốc	18 tháng 12 năm 2007
Ông Nguyễn Văn Lịch	Phó Giám đốc	19 tháng 01 năm 2008

***Kế toán trưởng:*** Ông Nguyễn Văn Chương    Bỏ nhiệm ngày 31 tháng 12 năm 2007

## **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

## **Xác nhận của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

307  
HÁ  
IG T  
ÊM I  
4 VÀ  
AI  
NÓ  
1-1

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU**  
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

---

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



**Hoàng Trọng Diên**

Ngày 26 tháng 3 năm 2012





**BAKER TILLY  
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN  
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 229 Dong Khoi St., Dist.1, Ho Chi Minh City  
Tel: (84.8) 38 272 295 - Fax: (84.8) 38 272 300  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City  
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City  
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City  
www.a-c.com.vn

Số: 114/2012/BCTC-KTTV-KT2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

### VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 26 tháng 3 năm 2012, từ trang 6 đến trang 35 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

#### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã đề cập phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Á Châu tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Phó Giám đốc**



**Nguyễn Thị Tư**

Chứng chỉ kiểm toán viên số: D.0059/KTV

Hà Nội, ngày 26 tháng 3 năm 2012

**Kiểm toán viên**

**Phạm Quang Huy**

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1409 /KTV

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>30.138.044.458</b>	<b>26.937.808.695</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>3.038.638.500</b>	<b>3.047.589.062</b>
1. Tiền	111		3.038.638.500	3.047.589.062
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>19.211.771.645</b>	<b>16.527.315.002</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	17.944.098.062	13.966.793.438
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	1.757.291.060	2.328.600.397
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	388.136.067	231.921.167
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.5	(877.753.543)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>7.416.820.860</b>	<b>4.804.726.512</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	7.416.820.860	4.804.726.512
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>470.813.453</b>	<b>2.558.178.119</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	168.019.851	111.790.663
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	1.948.440.566
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	2.145.191	2.348.423
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	300.648.411	495.598.467

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU**

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>37.366.236.568</b>	<b>36.834.980.300</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>35.688.138.036</b>	<b>35.408.807.136</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	34.764.672.684	33.760.950.894
<i>Nguyên giá</i>	222		45.839.601.043	41.293.151.977
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(11.074.928.359)	(7.532.201.083)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	923.465.352	969.717.480
<i>Nguyên giá</i>	228		1.193.455.778	1.165.023.958
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(269.990.426)	(195.306.478)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.12	-	678.138.762
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.678.098.532</b>	<b>1.426.173.164</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	1.678.098.532	1.426.173.164
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>67.504.281.026</b>	<b>63.772.788.995</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU**

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>30.352.191.803</b>	<b>25.210.852.008</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>27.074.752.556</b>	<b>20.075.524.295</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	8.407.827.446	7.037.980.626
2. Phải trả người bán	312	V.15	12.715.875.968	8.797.072.801
3. Người mua trả tiền trước	313	V.16	1.433.286.318	1.143.874.068
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	1.036.359.582	180.464.107
5. Phải trả người lao động	315		864.439.365	626.926.193
6. Chi phí phải trả	316	V.18	364.585.625	245.812.041
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	2.268.303.734	1.942.644.459
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	(15.925.482)	100.750.000
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.277.439.247</b>	<b>5.135.327.713</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.21	3.277.439.247	5.135.327.713
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>37.152.089.223</b>	<b>38.561.936.987</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>37.152.089.223</b>	<b>38.561.936.987</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		28.500.000.000	28.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(50.827.862)	(406.136.673)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.643.968.157	1.116.048.255
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		794.101.924	343.930.165
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		6.264.847.004	9.008.095.240
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>67.504.281.026</b>	<b>63.772.788.995</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

### Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		30.402,82	56.767,66
Euro (EUR)		-	-
Dollar Singapore (SGD)		-	-
Yên Nhật (¥)		-	-
Dollar Úc (AUD)		-	-
Bảng Anh (£)		-	-
Dollar Canada (CAD)		-	-
...		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 26 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Lưu Thị Thu

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Chương

Giám đốc



Hoàng Trọng Diên

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	88.935.484.317	63.038.571.831
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	4.045.856.751	1.231.952.226
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		84.889.627.566	61.806.619.605
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	45.617.570.844	32.958.610.425
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		39.272.056.722	28.848.009.180
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	639.337.944	668.706.154
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2.854.188.990	1.360.792.456
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.476.714.947	1.158.474.227
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	24.308.661.359	14.876.179.008
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	6.383.025.634	4.167.584.102
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.365.518.682	9.112.159.768
11. Thu nhập khác	31	VI.7	11.678.726	19.985.738
12. Chi phí khác	32	VI.8	112.350.404	80.710.608
13. Lợi nhuận khác	40		(100.671.678)	(60.724.870)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.264.847.004	9.051.434.898
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.17	-	47.999.719
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.264.847.004	9.003.435.179
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	2.198	3.159

Người lập biểu

Lưu Thị Thu

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Chương

Lập ngày 26 tháng 3 năm 2012

Giám đốc



Hoàng Trọng Diên

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU**

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		6.264.847.004	9.051.434.898
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		3.617.411.224	3.082.868.816
- Các khoản dự phòng	03	V.5	877.753.543	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(174.548.612)	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	1.476.714.947	1.188.603.719
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		12.062.178.107	13.322.907.433
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.435.236.346)	(5.901.375.643)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.612.094.348)	(2.434.299.843)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(553.490.753)	5.836.081.479
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(308.154.556)	(694.543.397)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.461.961.999)	(1.174.915.591)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(47.999.719)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.20	(1.018.479.000)	(184.250.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>4.672.761.105</b>	<b>8.721.604.719</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.896.742.124)	(3.617.850.841)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	174.548.612	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(3.722.193.512)</b>	<b>(3.617.850.841)</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	Thuyết minh		
		Năm nay	Năm nay	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-	
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	19.246.817.419	8.389.318.394	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(20.206.479.232)	(10.349.229.266)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(4.260.529.600)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>	<b>(959.661.813)</b>	<b>(6.220.440.472)</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(9.094.220)</b>	<b>(1.116.686.594)</b>	
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>3.047.589.062</b>	<b>4.212.962.471</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	143.658	(48.686.815)	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>3.038.638.500</b>	<b>3.047.589.062</b>

Người lập biểu

Lưu Thị Thu

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Chương

Lập ngày 26 tháng 3 năm 2012

Giám đốc



Hoàng Trọng Diên



# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2011

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
  - Khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản (đá, cát, sỏi, quặng kim loại);
  - Sản xuất, mua bán sản phẩm bột đá trắng siêu mịn.
4. **Nhân viên:**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 75 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 75 nhân viên)

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.  
  
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 là năm tài chính thứ tư của Công ty.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**  
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30
Máy móc và thiết bị	3 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 – 6
Tài sản cố định hữu hình khác	6

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

#### 6. Tài sản cố định vô hình

##### *Quyền khai thác mỏ*

Quyền khai thác mỏ là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính để có quyền khai thác mỏ đá. Quyền khai thác mỏ được khấu hao trong 20 năm.

##### *Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 4 năm.

##### *Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (ISO)*

Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để được cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng. Chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng được khấu hao từ 4 đến 6 năm.

##### *Chi phí thiết kế trang web*

Chi phí thiết kế trang web bao gồm tất cả các chi phí liên quan trực tiếp đến việc thiết lập trang web. Chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

#### 7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 8. Chi phí trả trước dài hạn

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### 9. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu, được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

#### 10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (04) năm đầu tiên kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2008 đến hết năm 2011) và giảm 50% trong chín (09) năm tiếp theo (từ năm 2012 trở đi).

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.



# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

---

## 11. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chi tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010: 18.932 VND/USD

31/12/2011: 20.828 VND/USD

## 12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

## 13. Tài sản tài chính

### *Phân loại tài sản tài chính*

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

### *Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

300  
NHÂN  
NG T  
TỆM H  
AN VÀ  
TẠI  
Ả N  
ĐA-T

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

#### *Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

#### *Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

#### *Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính*

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

## 14. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

#### *Nợ phải trả tài chính*

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

#### *Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

#### *Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

3-  
H  
C  
DUHI  
TUV  
P.H



## **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU**

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### *Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

#### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### **15. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### **16. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### **17. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU**

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	459.792.070	161.342.546
Tiền gửi ngân hàng	2.578.846.430	2.886.246.516
<b>Cộng</b>	<b><u>3.038.638.500</u></b>	<b><u>3.047.589.062</u></b>

**2. Phải thu khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty 4 Oranges Co.Ltd	7.505.539.800	-
Công ty TNHH Thuận Lợi	1.233.631.652	1.205.554.502
Công ty TNHH phát triển quốc tế Tân Đạt Dương	712.094.250	774.475.750
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Tiếp vận Miền Trung	622.976.000	-
Công ty TNHH TM - DV Phát Gia Nguyễn	552.560.930	592.560.930
DNTN TM-SX-DV Tân Hải Nam	540.189.862	540.189.862
Công ty Cổ phần vật tư phụ gia Hóa Chất	455.236.570	786.530.320
Công ty TNHH SX - TM Hiệp Chấn Thành	441.012.417	770.882.282
Nhà máy SX bao bì, bạt nhựa Tú Phương	394.493.750	456.604.990
Công ty TNHH Hoà Dược Hoàng An	390.536.227	420.536.227
Công ty TNHH Xuân Lộc Thọ	382.271.500	-
Pass Microns Minerals PVT.Ltd	367.105.997	-
Công ty Cổ phần Sao Mai Việt Nam	278.955.000	-
Công ty Cổ phần Alphanam	273.570.000	159.951.000
Công ty Cổ phần Hãng sơn Đông Á	268.560.919	333.665.390
Công ty Cổ phần Hóa Chất Nhật	255.000.000	-
Công ty TNHH MTV TM- DV- SX Tùng Sơn	236.621.511	245.936.511
Công ty Cổ phần L.Q JoTon	152.655.749	983.866.000
Công ty Cổ phần Nam Việt Úc	129.130.069	515.090.069
Công ty TNHH Nhựa Quang Minh	111.339.072	170.659.072
Công ty TNHH Sơn Nero	76.270.001	500.600.001
Công ty Cổ phần DV giao nhận vận tải Quốc tế	60.486.240	315.036.240
Công ty TNHH Kim Đại Phát	51.770.000	622.000.000
Công ty TNHH Đá tẩm xây dựng cao cấp	2.460.625	1.458.428.125
Các đối tượng khác	2.449.629.921	3.114.226.167
<b>Cộng</b>	<b><u>17.944.098.062</u></b>	<b><u>13.966.793.438</u></b>

**3. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần tư vấn Tài nguyên và Môi trường	1.660.000.000	1.660.000.000
Công ty TNHH TM - SX Châu Phú	-	127.600.000
Công ty Văn Long	-	177.248.500
Đối tượng khác	97.291.060	363.751.897
<b>Cộng</b>	<b><u>1.757.291.060</u></b>	<b><u>2.328.600.397</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đội khai thác mỏ đá Châu Quang	144.389.204	66.771.065
Công ty Cổ phần Dịch vụ giao nhận vận tải quốc tế	70.336.500	70.336.500
Phải thu khác	173.410.363	94.813.602
<b>Cộng</b>	<b>388.136.067</b>	<b>231.921.167</b>

### 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	-	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	74.969.643	-
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	802.783.901	-
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
<b>Cộng</b>	<b>877.753.543</b>	<b>-</b>

### 6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	3.287.369.795	3.221.198.200
Công cụ, dụng cụ	349.602.959	145.061.768
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.278.896.750	-
Thành phẩm	2.337.470.206	1.421.100.048
Hàng hóa	163.481.150	4.379.174
Hàng gửi đi bán	-	12.987.322
<b>Cộng</b>	<b>7.416.820.860</b>	<b>4.804.726.512</b>

### 7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí bảo hiểm	1.707.500	1.707.500
Công cụ dụng cụ	166.312.351	110.083.163
<b>Cộng</b>	<b>168.019.851</b>	<b>111.790.663</b>

### 8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Là thuế thu nhập cá nhân nộp thừa

### 9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	298.398.411	493.348.467
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.250.000	2.250.000
<b>Cộng</b>	<b>300.648.411</b>	<b>495.598.467</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	12.021.194.360	27.247.992.381	1.821.092.305	100.625.996	102.246.935	41.293.151.977
Tăng do mua sắm mới	899.450.000	922.521.820	-	31.853.637	-	1.853.825.457
Tăng do đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.103.569.442	589.054.167	-	-	-	2.692.623.609
Điều chỉnh phân loại lại						
<b>Số cuối năm</b>	<b>15.024.213.802</b>	<b>28.759.568.368</b>	<b>1.821.092.305</b>	<b>132.479.633</b>	<b>102.246.935</b>	<b>45.839.601.043</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		154.389.304				154.389.304
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	1.534.396.108	5.375.399.966	549.203.802	49.710.792	23.490.415	7.532.201.083
Tăng do khấu hao trong năm	775.176.882	2.456.731.369	256.696.488	27.127.841	26.994.696	3.542.727.276
Điều chỉnh phân loại lại						
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.309.572.990</b>	<b>7.832.131.335</b>	<b>805.900.290</b>	<b>76.838.633</b>	<b>50.485.111</b>	<b>11.074.928.359</b>
						-
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	10.486.798.252	21.872.592.415	1.271.888.503	50.915.204	78.756.520	33.760.950.894
<b>Số cuối năm</b>	<b>12.714.640.812</b>	<b>20.927.437.033</b>	<b>1.015.192.015</b>	<b>55.641.000</b>	<b>51.761.824</b>	<b>34.764.672.684</b>

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 35.700.379.312 VND và 27.043.434.909 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Vinh

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU**

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền khai thác mỏ	Phần mềm máy vi tính	Chứng nhận hệ thống QLCL (ISO)	Trang Website Công ty	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	1.102.562.919	13.500.000	48.961.039	-	1.165.023.958
Tăng trong năm	-	-	-	28.431.820	28.431.820
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.102.562.919</b>	<b>13.500.000</b>	<b>48.961.039</b>	<b>28.431.820</b>	<b>1.193.455.778</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	165.384.432	9.562.500	20.359.546	-	195.306.478
Khấu hao trong năm	55.128.144	3.375.000	9.588.744	6.592.060	74.683.948
<b>Số cuối năm</b>	<b>220.512.576</b>	<b>12.937.500</b>	<b>29.948.290</b>	<b>6.592.060</b>	<b>269.990.426</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	937.178.487	3.937.500	28.601.493	-	969.717.480
<b>Số cuối năm</b>	<b>882.050.343</b>	<b>562.500</b>	<b>19.012.749</b>	<b>21.839.760</b>	<b>923.465.352</b>

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển tăng TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Hệ thống sàng lọc	4.502.399	486.054.048	490.556.447	-
Skip nghiền sàng	-	98.497.720	98.497.720	-
Gara để xe	-	28.499.079	28.499.079	-
Kho chứa vật liệu	-	112.045.818	112.045.818	-
Đường nội bộ mỏ đá Châu Hồng	673.636.363	1.289.388.182	1.963.024.545	-
<b>Cộng</b>	<b>678.138.762</b>	<b>2.014.484.847</b>	<b>2.692.623.609</b>	<b>-</b>

**13. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Chi phí công cụ dụng cụ	469.710.531	41.180.534	208.816.456	302.074.609
Chi phí sửa chữa	134.913.670	325.111.629	201.675.532	258.349.767
Chi phí thăm dò, khảo sát và xin cấp phép khai thác mỏ đá Châu Hồng	401.050.198	-	-	401.050.198
Chi phí thăm dò, khảo sát và mở rộng mỏ đá Châu Quang	415.027.422	168.759.731	-	583.787.153
Chi phí khác	5.471.343	211.540.619	84.175.157	132.836.805
<b>Cộng</b>	<b>1.426.173.164</b>	<b>746.592.513</b>	<b>494.667.145</b>	<b>1.678.098.532</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 14. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<b>6.612.285.988</b>	<b>1.077.503.231</b>
Ngân hàng TMCP quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vinh <sup>(a)</sup>	6.612.285.988	1.077.503.231
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<b>1.795.541.458</b>	<b>5.960.477.395</b>
Ngân hàng TMCP quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vinh	1.153.588.466	545.200.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Xuân An	641.952.992	5.415.277.395
<b>Cộng</b>	<b><u>8.407.827.446</u></b>	<b><u>7.037.980.626</u></b>

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vinh để thanh toán cho các đối tác phục vụ cho hoạt động xuất khẩu. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 02 hệ thống máy móc thiết bị và phương tiện truyền dẫn cùng 01 máy xúc lật Komatsu.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Nợ dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	1.077.503.231	5.960.477.395	7.037.980.626
Số tiền vay phát sinh	18.906.817.419	-	18.906.817.419
Số tiền vay đã trả	(13.405.314.287)	(4.913.459.612)	(18.318.773.899)
Kết chuyển từ vay dài hạn	-	1.153.588.466	1.153.588.466
CLTG do đánh giá lại cuối năm nay	33.279.625	-	33.279.625
Hoàn nhập CLTG do đánh giá lại cuối năm trước	-	(405.064.791)	(405.064.791)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>6.612.285.988</u></b>	<b><u>1.795.541.458</u></b>	<b><u>8.407.827.446</u></b>

#### 15. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh nghiệp tư nhân Khâm Tiến	2.142.447.051	1.185.178.760
Công ty Cổ phần Nhật Việt	1.429.500.000	1.088.975.000
Công ty TNHH Trang Anh	1.332.373.029	901.790.029
Công ty Cổ phần Bao bì Nghệ An	1.223.249.341	355.316.959
Công ty TNHH MTV Tân Khánh An	705.306.708	645.316.109
Doanh nghiệp tư nhân Long Anh	563.596.790	794.236.850
Công ty TNHH Đá Phú Quý	272.372.050	272.372.050
Tổng công ty Kinh tế Kỹ thuật CNQP	195.415.000	-
Cty TNHH Phú An	179.433.600	-
Công ty Cổ phần Trung Đức	174.468.135	228.011.206
Công ty Cổ phần Phương Nam	91.200.000	346.817.900
DNTN Hải Hà	68.420.100	218.420.100
Công ty TNHH Hoàng Danh	-	403.040.000
Công ty Cổ phần Đồng Tiên	-	312.480.400
Các đối tượng khác	4.338.094.164	2.045.117.438
<b>Cộng</b>	<b><u>12.715.875.968</u></b>	<b><u>8.797.072.801</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 16. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty UNISILK LIMITED - Hồng Kông	473.906.982	706.639.539
Classic Marble Impex PVT.Ltd	959.379.336	332.445.920
Các đối tượng khác	-	104.788.609
<b>Cộng</b>	<b><u>1.433.286.318</u></b>	<b><u>1.143.874.068</u></b>

#### 17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	784.557.258	-	784.557.258
Thuế xuất, nhập khẩu	135.727.294	3.978.893.124	3.964.265.996	150.354.422
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân (*)	(2.348.423)	271.363.319	271.160.087	(2.145.191)
Thuế tài nguyên	28.763.613	152.147.131	106.898.452	74.012.292
Tiền thuê đất		196.735.500	196.735.500	-
Phí môi trường	15.973.200	32.772.340	21.333.580	27.411.960
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		9.256.911	9.233.261	23.650
<b>Cộng</b>	<b><u>178.115.684</u></b>	<b><u>5.416.468.672</u></b>	<b><u>4.560.393.615</u></b>	<b><u>1.034.214.391</u></b>

(\*) Khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu “Thuế và các khoản phải thu Nhà nước” khi lập bảng cân đối kế toán (xem thuyết minh V.8).

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

Bột đá bán trong nước	10%
Bột đá xuất khẩu	0%

#### *Thuế xuất, nhập khẩu*

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU**

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Thuế thu nhập doanh nghiệp** (Xem thuyết minh số V.10)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.264.847.004	9.051.434.898
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.390.867.919	419.756.792
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.390.867.919	419.756.792
Thù lao hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành	176.790.000	105.120.000
Lãi phạt chậm trả	3.833.215	2.311.849
Các khoản thuế bị truy thu	67.129.357	58.936.281
Các khoản phạt vi phạm hành chính	30.478.084	17.530.000
Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	1.112.637.263	235.858.662
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>7.655.714.923</b>	<b>9.471.191.690</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	10%	10%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>765.571.492</b>	<b>947.119.169</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm</b>	<b>(765.571.492)</b>	<b>(947.119.169)</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>-</b>	<b>47.999.719</b>
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>-</b>	<b>47.999.719</b>

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**18. Chi phí phải trả**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Chi phí lãi vay phải trả	147.903.885	133.150.937
Chi phí xuất khẩu hàng hóa	216.681.740	112.661.104
<b>Cộng</b>	<b>364.585.625</b>	<b>245.812.041</b>

**19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Kinh phí công đoàn	40.777.027	56.035.059
BHXH, BHYT, BHTN	217.546.261	73.736.809
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế	1.962.446.309	1.765.710.809
Phải trả khác	47.534.137	47.161.782
<b>Cộng</b>	<b>2.268.303.734</b>	<b>1.942.644.459</b>

**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Số dư đầu năm	100.750.000
Tăng do phân phối lợi nhuận trong năm	900.343.518
Tăng khác	1.460.000
Chi quỹ trong năm	(1.018.479.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>(15.925.482)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU**

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****21. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vinh <sup>(a)</sup>	1.068.479.000	2.926.367.466
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Xuân An <sup>(b)</sup>	2.208.960.247	2.208.960.247
<b>Cộng</b>	<b><u>3.277.439.247</u></b>	<b><u>5.135.327.713</u></b>

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Vinh để đầu tư 01 dây chuyền nghiền và phân loại đá cùng 01 hệ thống xử lý bụi (giai đoạn 3). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là Máy móc thiết bị, phương tiện truyền dẫn hiện tại và tài sản hình thành từ vốn vay.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Xuân An để đầu tư mở rộng sản xuất bột đá trắng giai đoạn 2. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản hình thành từ vốn vay.

**Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	1.795.541.458	5.960.477.395
Trên 1 năm đến 5 năm	3.277.439.247	5.135.327.713
<b>Tổng nợ</b>	<b><u>5.072.980.705</u></b>	<b><u>11.095.805.108</u></b>

**Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số kết chuyển</u>	<u>Số cuối năm</u>
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Vinh	2.926.367.466	340.000.000	(1.044.300.000)	(1.153.588.466)	1.068.479.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Xuân An	2.208.960.247	-	-	-	2.208.960.247
<b>Cộng</b>	<b><u>5.135.327.713</u></b>	<b><u>340.000.000</u></b>	<b><u>(1.044.300.000)</u></b>	<b><u>(1.153.588.466)</u></b>	<b><u>3.277.439.247</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

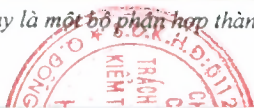
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 22. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	28.500.000.000	(216.729.958)	662.892.156	80.079.844	5.296.136.881	34.322.378.923
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	9.003.435.179	9.003.435.179
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	453.156.099	263.850.321	(1.002.006.420)	(285.000.000)
Chia cổ tức năm 2009	-	-	-	-	(4.275.000.000)	(4.275.000.000)
Chia cổ tức năm 2008	-	-	-	-	(14.470.400)	(14.470.400)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	-	216.729.958	-	-	-	216.729.958
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	-	(406.136.673)	-	-	-	(406.136.673)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>28.500.000.000</b>	<b>(406.136.673)</b>	<b>1.116.048.255</b>	<b>343.930.165</b>	<b>9.008.095.240</b>	<b>38.561.936.987</b>
Số dư đầu năm nay	28.500.000.000	(406.136.673)	1.116.048.255	343.930.165	9.008.095.240	38.561.936.987
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	6.264.847.004	6.264.847.004
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	527.919.902	450.171.759	(1.878.435.179)	(900.343.518)
Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	(7.124.900.000)	(7.124.900.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm trước	-	406.136.673	-	-	-	406.136.673
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	-	(50.827.862)	-	-	-	(50.827.862)
Giảm khác	-	-	-	-	(4.760.061)	(4.760.061)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>28.500.000.000</b>	<b>(50.827.862)</b>	<b>1.643.968.157</b>	<b>794.101.924</b>	<b>6.264.847.004</b>	<b>37.152.089.223</b>





# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	11.400.000.000	11.400.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	17.100.000.000	17.100.000.000
<b>Cộng</b>	<b>28.500.000.000</b>	<b>28.500.000.000</b>

## Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

Cổ tức năm trước (25%)		7.124.900.000
Tạm ứng cổ tức năm nay		-
<b>Cộng</b>		<b>7.124.900.000</b>

## Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.850.000	2.850.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.850.000	2.850.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.850.000	2.850.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.850.000	2.850.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.850.000	2.850.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	88.935.484.317	63.038.571.831
- Doanh thu bán hàng hóa	11.257.883.528	6.249.183.086
- Doanh thu bán thành phẩm	76.787.447.289	56.789.388.745
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	890.153.500	-
Các khoản giảm trừ doanh thu:	4.045.856.751	1.231.952.226
- Hàng bán bị trả lại	66.963.627	51.503.864
- Thuế xuất khẩu	3.978.893.124	1.180.448.362
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>84.889.627.566</b>	<b>61.806.619.605</b>
Trong đó:	-	-
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	10.154.625.448	6.249.183.086
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	73.844.848.618	55.557.436.519
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	890.153.500	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	8.983.881.484	4.292.183.373
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	36.257.807.662	28.666.427.052
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	375.881.698	
<b>Cộng</b>	<b><u>45.617.570.844</u></b>	<b><u>32.958.610.425</u></b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	32.554.370	37.163.173
Lãi tiền gửi kỳ hạn	174.548.612	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	432.234.962	631.542.981
<b>Cộng</b>	<b><u>639.337.944</u></b>	<b><u>668.706.154</u></b>

#### 4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1.476.714.947	1.188.603.719
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.373.640.828	172.188.737
Chi phí tài chính khác	3.833.215	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.854.188.990</u></b>	<b><u>1.360.792.456</u></b>

#### 5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên bán hàng	52.348.000	-
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	810.880.620	409.728.943
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	121.528.305	5.543.182
Chi phí khấu hao TSCĐ	33.247.999	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.977.788.957	14.349.765.641
Chi phí bằng tiền khác	312.867.478	111.141.242
<b>Cộng</b>	<b><u>24.308.661.359</u></b>	<b><u>14.876.179.008</u></b>

#### 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	2.502.926.049	1.813.108.852
Chi phí vật liệu quản lý	37.307.002	18.408.259
Chi phí đồ dùng văn phòng	150.712.893	149.829.573
Chi phí khấu hao TSCĐ	459.461.953	445.723.357
Thuế, phí và lệ phí	239.356.500	23.195.455
Chi phí dự phòng	877.753.543	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.447.268.928	1.055.079.099
Chi phí bằng tiền khác	668.238.766	662.239.507
<b>Cộng</b>	<b><u>6.383.025.634</u></b>	<b><u>4.167.584.102</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Xử lý các khoản công nợ không phải trả	6.028.176	19.542.937
Thu lại tiền bồi thường hợp đồng	2.000.000	-
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	3.650.550	442.801
<b>Cộng</b>	<b>11.678.726</b>	<b>19.985.738</b>

#### 8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các khoản nộp phạt vi phạm hành chính	20.500.000	17.530.000
Thuế bị phạt, bị truy thu	77.107.441	58.936.281
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	1.755.641	4.244.327
Chi phí khác	12.987.322	-
<b>Cộng</b>	<b>112.350.404</b>	<b>80.710.608</b>

#### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.264.847.004	9.003.435.179
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.264.847.004	9.003.435.179
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.850.000	2.850.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.198</b>	<b>3.159</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Áp dụng qui định kế toán mới

Ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính và được áp dụng để trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính trên Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

Theo yêu cầu của Thông tư này Công ty cũng đã bổ sung thêm các thuyết minh từ VII.5 đến VII.9 dưới đây.

### 2. Giao dịch với các bên liên quan

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng	420.327.608	429.826.008
Phụ cấp	373.085.000	197.100.000
<b>Cộng</b>	<b>793.412.608</b>	<b>626.926.008</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

#### **Bên liên quan**

#### **Mối quan hệ**

Tổng Công ty Hợp tác Kinh tế

Công ty liên kết

Các nghiệp vụ chính với Tổng Công ty Hợp tác kinh tế trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi trả cổ tức cho Tổng Công ty Hợp tác kinh tế	2.850.000.000	1.710.000.000
Thuế GTGT của hợp đồng chuyển nhượng mỏ đá, nhà máy nghiền đá siêu mịn, vật tư, CCDC, hàng hóa khi bàn giao nhà máy	-	1.765.452.425
Tổng Công ty Hợp tác kinh tế nộp hộ tiền thuế đất	196.735.500	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ phải trả Tổng Công ty Hợp tác kinh tế là:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền thuế đất nộp hộ	196.735.500	-
Thuế giá trị gia tăng	1.765.452.425	1.765.452.425
<b>Công nợ phải trả</b>	<b><u>1.962.445.925</u></b>	<b><u>1.765.452.425</u></b>

### **3. Chi phí lãi vay**

Chi tiết phân bổ chi phí lãi vay phát sinh trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh	1.476.714.947	1.188.603.719
Chi phí lãi vay được vốn hóa	14.673.810	81.976.536
<b>Tổng chi phí lãi vay</b>	<b><u>1.491.388.757</u></b>	<b><u>1.270.580.255</u></b>

Tỷ lệ vốn hóa **0,98%** **6,45%**

### **4. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

#### ***Khu vực địa lý***

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và nước ngoài.





## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	<u>Trong nước</u>	<u>Xuất khẩu</u>	<u>Cộng</u>
<b>Năm nay</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	44.397.299.534	40.492.328.032	84.889.627.566
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>44.397.299.534</b>	<b>40.492.328.032</b>	<b>84.889.627.566</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	5.160.738.101	9.802.657.262	14.963.395.363
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(6.383.025.634)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			8.580.369.729
Doanh thu hoạt động tài chính			639.337.944
Chi phí tài chính			(2.854.188.990)
Thu nhập khác			11.678.726
Chi phí khác			(112.350.404)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>6.264.847.004</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.896.742.124</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>4.112.078.369</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng của Công ty như sau:

	<u>Trong nước</u>	<u>Xuất khẩu</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	16.699.238.522	367.105.997	17.066.344.519
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			50.437.936.508
<b>Tổng tài sản</b>			<b>67.504.281.026</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	1.433.286.318	1.433.286.318
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			28.918.905.485
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>30.352.191.803</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	13.625.335.886	341.457.552	13.966.793.438
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			49.805.995.557
<b>Tổng tài sản</b>			<b>63.772.788.995</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	7.750.523.957	1.046.548.844	8.797.072.801
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			16.413.779.207
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>25.210.852.008</b>

### 5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	<u>Giá trị sổ sách</u>		<u>Giá trị hợp lý</u>	
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.038.638.500	3.047.589.062	3.038.638.500	3.047.589.062
Phải thu khách hàng	17.147.974.897	13.966.793.438	17.147.974.897	13.966.793.438
Các khoản phải thu khác	608.124.131	727.519.634	-	-
<b>Cộng</b>	<b>20.794.737.528</b>	<b>17.741.902.134</b>	<b>20.186.613.397</b>	<b>17.014.382.500</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ	11.685.266.693	12.173.308.339	11.685.266.693	12.173.308.339
Phải trả người bán	12.715.875.968	8.797.072.801	12.715.875.968	8.797.072.801
Các khoản phải trả khác	3.497.328.724	2.815.382.693	3.497.328.724	2.815.382.693
<b>Cộng</b>	<b>27.898.471.385</b>	<b>23.785.763.833</b>	<b>27.898.471.385</b>	<b>23.785.763.833</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty ước tính giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán, nợ phải thu và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

## CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 6. Tài sản đảm bảo

##### *Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.10). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

<u>Tài sản thế chấp</u>	<u>Giá trị sổ sách</u>	<u>Điều khoản và điều kiện thế chấp</u>
<b>Số cuối năm</b>		
Máy móc thiết bị	27.043.434.909	
<b>Cộng</b>	<b><u>27.043.434.909</u></b>	
<b>Số đầu năm</b>		
Máy móc thiết bị	20.042.174.175	
<b>Cộng</b>	<b><u>20.042.174.175</u></b>	

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

#### 7. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

##### *Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

#### 8. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:



# CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN Á CHÂU

Địa chỉ: Lô 32C KCN Nam Cẩm, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	8.407.827.446	3.277.439.247	-	11.685.266.693
Phải trả người bán	12.715.875.968	-	-	12.715.875.968
Các khoản phải trả khác	3.497.328.724	-	-	3.497.328.724
<b>Cộng</b>	<b>24.621.032.138</b>	<b>3.277.439.247</b>	-	<b>27.898.471.385</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	7.037.980.626	5.135.327.713	-	12.173.308.339
Phải trả người bán	8.797.072.801	-	-	8.797.072.801
Các khoản phải trả khác	2.815.382.693	-	-	2.815.382.693
<b>Cộng</b>	<b>18.650.436.120</b>	<b>5.135.327.713</b>	-	<b>23.785.763.833</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 9. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Do năm 2010 và 2011 Công ty đang được miễn thuế TNDN nên độ nhạy của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá, của lãi suất là bằng không.

### 10. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2010 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tại Hà Nội

Lập ngày 26 tháng 3 năm 2012

Người lập biểu

Lưu Thị Thu

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Chương

Giám đốc



Hoàng Trọng Diên

